**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I KHỐI 11 - NĂM 2020 – 2021**

**Tổ: Địa lí:**

***(Tài liệu lưu hành nội bộ)***

**A- NỘI DUNG ÔN TẬP**

Bài 6 và 7

**B – HÌNH THỨC KIỂM TRA**

- Trắc nghiệm : 7 điểm

- Tự luận : 3 điểm.

**Bài 6:HỢP CHỦNG QUỐC HOA KÌ**

**Tiết 1: Vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên.**

**I. Những kiến thức cơ bản cần nắm.**

**I. Vị trí địa lí và lãnh thổ:**

**1. Vị trí địa lí:**

- Nằm ở Bắc Mĩ.

- Tiếp giáp với hai đại dương: Đại Tây Dương (Đông), Thái Bình Dương (Tây).

- Phía Bắc giáp Ca-na-đa, Nam là Mê-hi-cô và vịnh Mê-hi-cô.

**2. Lãnh thổ:**

- Diện tích 9.629.000 km2, đứng thứ ba thế giới.

- Gồm ba bộ phận:

+ Phần đất ở trung tâm lục địa Bắc Mĩ có diện tích trên 8 triệu km2.

+ Bán đảo Alasca nằm ở Tây Bắc Ca-nađa.

+ Quần đảo Ha-oai nằm ngoài khơi Thái Bình Dương.

**II. Đặc điểm tự nhiên.**

1. **Sự phân hoá lãnh thổ: giảm tải**

**2.. A-la-xca**:

+ Là một bán đảo rộng lớn, địa hình chủ yếu là đồi núi.

+ Có trữ lượng dầu mỏ và khí tự nhiên lớn thứ hai Hoa Kì, ngoài ra còn có rừng, hải sản.

**3. Ha-oai**:

+ Có khí hậu nhiệt đới hải dương.

+ Có tiềm năng lớn về hải sản và du lịch.

**II. Dân số.**

**1. Gia tăng dân số.**

- Dân số Hoa Kì khá đông ( 2007 đạt 300 triệu người, đứng thứ 3 thế giới) và tăng nhanh ( Năm 1800 mới có 5 triệu, năm 1900là 76 triệu).

- Sự gia tăng nhanh là do nhập cư ( từ 1820-2005 có 65 triệu người nhập cư). Nhập cư đã đem lại cho Hoa Kì nguồn lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm, năng động nhưng lại tiết kiệm được chi phí nuôi nấng, đào tạo.

- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Hoa Kì thấp (0,6%/ năm) vì thế có số người trong độ tuổi lao động cao (68%) thuận lợi cho phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhưng cơ cấu dân số già cũng có những khó khăn nhất định.

**2. Thành phần dân cư.**

Thành phần dân cư đa dạng:

- 83% dân số Hoa Kì là người Ơ-rô-pê-ô-ít có nguồn gốc châu Âu, hiện có mức sống cao, nắm giữ hầu hết mọi quyền lợi.

- 11% là người Nê-grô-ít có nguồn gốc từ châu Phi, tổ tiên họ là những người da đen bị bắt sang làm nô lệ trong các thế kĩ trước. Người da đen có tốc độ tăng nhanh, mức sống thấp, sống chủ yếu ở các bang miền Nam.

- Người Anh điêng là dân bản địa chiếm độ 1% sống chủ yếu ở các bang miền Trung Tây.

- Người gốc Á và Mĩ La Tinh cũng tăng nhanh và sống nhiều ở các bang miền tây nam.

**3. Phân bố dân cư.**

- Mật độ trung bình là 31 người/ km2,

- Dân cư phân bố không đều:

+ Đông Bắc có mật độ trên 300 người/km2, miền tây chỉ có 15 người/ km2.

+ 66% dân cư tập trung ở các bang ven biển nhất là ven ĐTD.

- Dân cư có xu hướng di chuyển từ các bang vùng Đông Bắc sang các bang ở phía Nam và ven TBD có nắng ấm, năng động.

- Dân thành thị chiếm 79% dân số, tập trung chủ yếu trong các đô thị nhỏ và vừa nên tránh được những tiêu cực của đô thị hoá. Hoa kì có nhiều thành phố lớn trong đó Niu-Ióoc là thành phố lớn nhất với 21 triệu dân.

**II. Trắc nghiệm**

**Câu 1: Dân cư Hoa Kì tăng rất nhanh trong lịch sử, nguyên nhân chủ yếu là do:**

A. Tỉ lệ sinh quá cao.

B. Tỉ lệ tử rất thấp.

C. Tỉ lệ tăng tự nhiên rất cao.

.D. Tỉ lệ tăng cơ học rất lớn.

**Câu 2: Chiếm tỉ lệ cao nhất trong số những người nhập cư vào Hoa Kì là từ:**

.A. Châu Âu.

B. Châu Phi.

C. Châu Á.

D. Nam Mĩ và Ca-na-đa.

**Câu 3: Dựa vào bảng số liệu sau đây về dân số Hoa Kì thời kì 1800-2005 ( Đơn vị là triệu người).**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1800 | 1820 | 1840 | 1860 | 1880 | 1890 | 1920 | 1940 | 1960 | 1980 | 2005 |
| Số dân | 5 | 10 | 17 | 31 | 50 | 76 | 105 | 132 | 179 | 227 | 296,5 |

Chúng ta nhận thấy thời kì có tỉ lệ tăng dân cao nhất trong các thời kì sau là:

A. 1800-1840.

.B. 1840-1890.

C. 1890-1960.

D. 1960-2005.

**Câu 4: Dân số Hoa Kì hiện nay có đặc điểm:**

A. Có tỉ lệ tăng dân số cao nên có cơ cấu dân số trẻ.

B. Có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp, có cơ cấu dân số già.

C. Có cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già đi.

D. Có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp, tỉ lệ tăng cơ giới cao nên có dân số trẻ và tăng nhanh.

**Câu 5: Nhập cư đã đem lại cho Hoa Kì:**

A. Nguồn lao động dồi dào với lương thấp.

B. Lao động dồi dào nhưng chất lượng thấp.

C. Lao động có trình độ cao giàu kinh nghiệm.

D. Lao động dồi dào nhưng trình độ chênh lệch rất lớn.

**Câu 6: Người da đen ở Hoa Kì:**

A. Chiếm 1/3 dân số và đang tăng nhanh.

B. Tuy chỉ chiếm hơn 10% nhưng đang tăng nhanh.

C. Tuy chỉ chiếm hơn 10% nhưng phần lớn có mức sống cao.

D. Chiếm hơn 10% dân số và chỉ tập trung ở các bang phía bắc.

Câu 7: Đây là đặc điểm phân bố dân cư Hoa Kì.

A. 2/3 dân số tập trung ở các bang nằm ven biển.

B. Các bang nằm ven Đại Tây Dương tập trung đông dân nhất.

C. Miền tây là nơi có mật độ trung bình thấp nhất.

D. Tất cả các đặc điểm trên.

**Bài 6: Tiết 2: KINH TẾ HOA KÌ**

**I. Đặc điểm chung.**

1.Hiện nay Hoa Kì là nước có nền kinh tế với qui mô lớn nhất thế giới ( chiếm 28% GDP của thế giới).

2. Hoa Kì có nền kinh tế thị trường tiêu biểu của thế giới:

- Sự phát triển kinh tế phụ thuộc nhiều vào mức độ tiêu thụ hàng hoá và sử dụng dịch vụ trong nước vì vậy sức mua của người dân là nhân tố chủ yếu của sự tăng trưởng GDP.

- Hoạt động kinh tế dựa trên cơ sở quan hệ cung cầu.

3. Nền kinh tế có tính chuyên môn hoá cao.

- Trong nông nghiệp hình thành các vùng chuyên canh điển hình.

- Trong công nghiệp hình thành các ngành có mức độ chuyên môn hoá rất cao như sản xuất máy bay, ô tô, chế biến thực phẩm…

**II. Các ngành kinh tế.**

1. Dịch vụ: Chiếm 72% GDP, tỉ trọng ngày càng tăng, rất đa dạng, phân bố rộng khắp cả trong lẫn ngoài nước.

- Ngoại thương có tổng kim ngạch trên 2350 tỉ USD chiếm 12% thương mại thế giới. Tình trạng nhập siêu ngày một tăng.

- Giao thông vận tải: Rất phát triển, phát triển toàn diện với qui mô và chất lượng hàng đầu thế giới: 6,43 triệu km đường ô tô phần lớn là đường cao tốc, 226,6 nghìn km đường sắt, có nhiều cảng biển lớn với đội tàu buôn có trọng tải số 1 thế giới….

- Các ngành tài chính, thông tin liên lạc, du lịch: Rất phát triển.

+ Có hơn 600 nghìn tổ chức tài chính, ngân hàng với 7 triệu lao động hoạt động khắp thế giới.

+ Hệ thống thông tin liên lạc hiện đại cung cấp dịch vụ viễn thông cho nhiều nước tren thế giới.

+ Du lịch với hơn 1,4 tỉ khách nội địa và 46 triệu lượt khách quốc tế doanh thu lên đến 74,5 tỉ USD.

**2. Công nghiệp:**

- Là ngành cung cấp nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu cho Hoa Kì nhưng tỉ trọng trong GDP có xu hướng giảm( từ 33,95 năm 1960 hiện chỉ còn 19,7%).

- Sản xuất công nghiệp gồm 3 nhóm ngành:

+ Công nghiệp khai khoáng: rất phát triển nhất là khai thác cá kim loại màu, năng lượng.

+ Công nghiệp chế biến chiếm 84,2% giá trị hàng xuất khẩu, thu hút 40 triệu lao động.

+ Công nghiệp điện lực: gồm cả nhiệt điện, thuỷ điện, điện nguyên tử và các nguồn năng lượng khác. Sản lượng điện đang dấn đầu thế giới.

**3. Nông nghiệp: GIẢM TẢI**

**II. Trắc nghiệm.**

Câu 1: Sự phát triển kinh tế Hoa Kì phụ thuộc nhiều vào:

A. Khả năng mở rộng thị trường xuất nhập khẩu.

B. Mức độ tiêu thụ hàng hoá và sử dụng dịch vụ trong nước.

C. Tình hình chính trị xã hội của thế giới.

D. Khả năng cung cấp nguyên liệu của thế giới.

Câu 2: Đây là đặc điểm cơ bản của nền kinh tế Hoa Kì.

A. Có qui mô lớn và tốc độ phát triển nhanh.

B. Là nền kinh tế thị trường tiêu biểu của thế giới.

C. Có tính chuyên môn hoá cao và tốc độ phát triển nhanh.

D. Nền kinh tế chủ yếu phục vụ nhu cầu nội địa.

Câu 3: Trong cơ cấu ngành kinh tế của Hoa Kì hiện nay:

A. Công nghiệp là ngành chiếm tỉ trọng cao nhất và xu hướng ngày càng giảm.

B. Công nghiệp chiếm tỉ trọng không cao nhưng có xu hướng ngày càng tăng.

C. Dịch vụ là ngành chiếm tỉ trọng cao nhất nhưng có xu hướng giảm dần.

D. Dịch vụ là ngành chiếm tỉ trọng cao nhất và có xu hướng ngày càng tăng.

Câu 4: Nền kinh tế của Hoa Kì hiện đang phát triển:

A. Với tỉ lệ tăng trưởng cao nhất thế giới.

B. Với qui mô lớn nhất thế giới.

C. Với một cơ cấu ngành cân đối giữa ba khu vực.

D. Không đều và không ổn định.

Câu 5: Hiện nay sản xuất công nghiệp của Hoa Kì đang mở rộng xuống vùng phía Nam và ven Thái Bình Dương vì:

A. Đây là khu vực có khí hậu cận nhiệt, ít có thiên tai.

B. Đây là khu vực hiện nay đang thu hút các luồng di cư từ các vùng khác.

C. Đây là vùng nằm gần thị trường năng động là châu Á và châu Mĩ la tinh.

D. Vùng Đông Bắc đang trở nên già cổi lại bị cạnh tranh ráo riết bởi châu Âu.

Câu 6: Đây là đặc điểm sản xuất công nghiệp của Hoa Kì.

A. Tạo ra nhiều sản phẩm với sản lượng lớn hàng đầu thế giới.

B. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

C. Phát triển cân đối giữa công nghiệp hiện đại và công nghiệp truyền thống.

D. Phát triển cân đối giữa công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến.

Câu 7: Hoa Kì đang dẫn đầu thế giới về các ngành công nghiệp:

A. Khai thác than, dầu khí, sản xuất ô tô.

B. Sản xuất máy bay, điện, ô tô.

C. Sản xuất điện năng, khai thác dầu khí, than đá.

D. Sản xuất thép, xi măng, chế tạo máy bay.

**CHỦ ĐỀ: LIÊN MINH CHÂU ÂU**

**Tiết 1: EU- liên minh khu vực lớn nhất thế giới.**

**I. Những kiến thức cơ bản cần nắm.**

**I. Quá trình hình thành và phát triển**.

1. Sự ra đời và phát triển.

Sau thế chiến thứ 2 các nước Tây Âu đã có nhiều hoạt động để đẩy mạnh sự liên kết.

- 1951: Thành lập Cộng đồng than thép châu Âu ECSC ( Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua).

- 1957: Cộng đồng kinh tế châu Âu EEC ( 6 nước như trên, tiền thân của EU).

- 1958: Thành lập Cộng đồng nguyên tử châu Âu. ( vẫn 6 nước).

- 1967: Đổi tên EEC thành EC ( Cộng đồng châu Âu).

- 1993: Đổi EC thành EU. ( Liên minh châu Âu), sau hiệp ước Ma-xtrích.

EU ngày càng mở rộng( số thành viên, lãnh thổ) và liên kết chặt chẻ hơn ( Từ 6 thành viên ban đầu đã tăng lên 27 thành viên, từ cộng đồng về than và sắt đã trở thành liên minh toàn diện).

2. Mục đích và thể chế.(giảm tải)

**II. Vị thế của EU trong kinh tế thế giới.**

1. EU một trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới (Chiếm 7,1% dân số, 31% GDP, 37,7% giá trị xuất khẩu.... của thế giới).

2. Tổ chức thương mại hàng đầu thế giới ( dẫn đầu thế giới về thương mại, bải bỏ hàng rào thuế quan trong buôn bán nội khối, có chính sách chung trong buôn bán ngoại khối).

**II. Trắc nghiệm.**

**Câu 1: Tổ chức tiền thân của EU ra đời sớm nhất là:**

A. Cộng đồng châu Âu.

B. Cộng đồng than thép châu Âu.

C. Cộng đồng kinh tế châu Âu.

D. Cộng đồng nguyên tử châu Âu.

**Câu 2: Đây là đặc điểm phát triển của EU:**

A. Từ 6 thành viên ban đầu đến nay đã có 27 thành viên.

B. Không gian lãnh thổ được mở rộng theo mọi hướng.

C. Mức độ liên kết và thống nhất phát triển cả về bề rộng lẫn bề sâu.

B. Mức độ liên kết ngày càng chặt chẻ.

**Câu 3: Hai quốc gia vừa mới gia nhập EU năm 2007 là:**

A. Ba Lan và Hungari.

B. Extônia và Látvia.

C. Thổ Nhĩ Kì và Hi Lạp.

D. Bungari và Rumani.

**Câu 4: Không gian địa lí của EU được mở rộng sang phía Tây vào thời kì:**

A. 1973,1995.

B. 1981.

C. 1986.

D. 2004,2007.

**Câu 5: Một quốc gia nằm giữa EU nhưng không phải là thành viên của EU. Đó là:**

A. Lucxămbua.

B. Bỉ.

C. Áo.

D. Thuỵ Sĩ.

**Câu 6: Sau 6 thành viên sáng lập, ba quốc gia đầu tiên được kết nạp thêm vào EU là:**

A. Anh, Ailen và Đan Mạch.

B. Hi Lạp, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

C. Phần Lan, Thuỵ Điển, Áo.

D. Hungari, Ba Lan và Síp.

**Câu 7: Với hiệp ước Ma-xtrích năm 1993:**

A. Cộng đồng than thép châu Âu đã được thành lập.

B. Cộng đồng kinh tế châu Âu đã được thành lập.

C. Cộng đồng kinh tế châu Âu đổi tên thành cộng đồng châu Âu.

D. Cộng đồng châu Âu đổi tên thành Liên minh châu Âu.

**Câu 8: Từ ECSC đổi thành EEC rồi EC và cuối cùng là EU đã cho thấy:**

A. Không gian địa lí ngày càng mở rộng.

B. Số thành viên ngày càng nhiều.

C. Qui mô ngày càng lớn.

D.Mức độ liên kết, thống nhất ngày càng cao.

**Câu 9: Điều nầy cho thấy EU chưa hoàn toàn tuân thủ các qui định của WTO:**

A. Đặt ra những hạn chế nhập khẩu đối với than và sắt của các nước đang phát triển.

B. Đặt ra mức phạt thuế quan đối với các mặt hàng nhập khẩu vào EU rẻ hơn so với nước xuất khẩu.

C. Trợ cấp cho các mặt hàng nông sản làm cho giá nông sản của họ thấp hơn so với thị trường thế giới.

D. Dỡ bỏ hàng rào thuế quan trong buôn bán giữa các nước trong nội bộ EU.

**Câu 10: Trong ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới là Hoa Kì, Nhật Bản và EU thì EU đang dẫn đầu về:**

A. Diện tích, dân số và GDP.

B. Dân số, GDP và thương mại.

C. Dân số, thương mại và GDP/ người

D. Dân số, GDP và GDP/ người.

**Tiết 2: EU- Hợp tác, liên kết để cùng phát triển.**

**I. Những kiến thức cần nắm.**

**1. Tự do lưu thông.**

Từ 1/1/1993 EU thiết lập một thi trường chung. Trong đó có 4 mặt tự do lưu thông:

**a. Tự do di chuyển**

Ở EU, quyền đi lại tự do, tự do cư trú, tự do lựu chọn nơi làm việc.

**b. Tự do lưu thông dịch vụ**

Tự do với các dịch vụ như: Vận tải, thông tin liên lạc, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch.

**c. Tự do lưu thông hàng hoá.**

Các sản phẩm hợp pháp của một số nước EU được tự do vận chuyển và bán trong toàn thị trưòng chung Châu Âu. Thuế giá trị gia tăng bị bãi bỏ.

**d. Tự do lưu thông tiền vốn.**

Các hạn chế đối với giao dịch thanh toán bị bãi bỏ. Các nhà đầu tự có thể lựu chọn khả năng đầu tư có lợi nhất, có thể mở tài khoản tại các ngân hàng nước ngoài thuộc EU.

**\* ý nghĩa của 4 mặt tự do lưu thông.**

- Xoá bỏ những trở ngại trong việc phát triển KT (Rào cản về thuế quan và thương mại). Các nước thành viên thực hiện chung một chính sách thương mại trong quan hệ buôn bán với các nước ngòài khối.

- Phát huy tối đa lợi thế nhân tài, vật lực, nguồn vốn cho sự phát triển chung của công đồng châu Âu. Từ đó tăng cường sức mạnh KT và khả năng cạnh tranh của EU so với các trung tâm KT lớn trên TG.

**2. Eurô (ơ - Rô) - Đồng tiền chung của EU.**

**a. Thực trạng sử dụng**

- 1/1/1999 các nước EU (11nước) đã bắt đầu SD đông Ơ - Rô nhưng dưới dạng không phải tiền mặt.

- Đến 2004 có 13 nước thành viên EU sử dụng.

**b. Lợi ích:**

- Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.

- Xoá bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU

- Đơn giản hoá công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia

**II. Hợp tác trong sản xuất và dịch vụ.**

1. Hợp tác trong việc sản xuất tên lửa và máy bay:

- Cơ quan hàng không vũ trụ châu Âu (ESA) đã sản xuất và đưa vào không gian hàng trăm vệ tinh vũ trụ.

- Tổ hợp công nghiệp hàng không Airbus do Đức, Pháp, Anh sáng lập là hãng sản xuất máy bay hàng đầu của EU đang cạnh tranh ráo riết với hãng Boeing của Hoa Kì.

2. Đường hầm xuyên biển Măng-sơ.

Đường hầm xuyên biển Măng-sơ nối Anh với châu Âu được hoàn thành năm 1994 là một công trình hợp tác quan trọng về dịch vụ của EU.

III. Liên kết vùng châu Âu.(giảm tải)

**Phần trắc nghiệm:**

**Câu 1: Bốn mặt của tự do lưu thông của EU là:**

A. Con người, dịch vụ, hàng hoá, của cải.

B. Di chuyển, dịch vụ, hàng hoá, tiền vốn.

C. Của cải, tiền tệ, phương tiện, cư trú.

D. Đi lại, tiền vốn, hàng hoá, con người.

**Câu 2: Mục đích chủ yếu của việc thành lập Thị trường chung châu Âu là:**

A. Hợp tác để phát huy các thế mạnh và hạn chế các nhược điểm của từng nước.

B. Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường nội địa châu Âu.

C. Tăng cường sức mạnh kinh tế và khả năng cạnh tranh của EU.

D. Hạn chế bớt sức mạnh về kinh tế của Hoa Kì và Nhật Bản.

**Câu 3: Trước năm 2002 việc sử dụng đồng tiền chung ơ rô có đặc điểm:**

A. Chỉ có 12 nước thành viên sử dụng.

B. Không phải dưới dạng tiền mặt.

C. Sử dụng song hành với đồng tiền của các nước.

D. Tất cả các đặc điểm trên.

**Câu 4: Một trong những hạn chế của việc sử dụng đồng tiền chung ơ rô là:**

A. Làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các nước EU.

B. Làm mất tính tự chủ về kinh tế của các nước tham gia.

C. Làm giá hàng tăng cao dẫn đến lạm phát ở một số nước.

D.Quyền lực quốc gia của một số nước tham gia bị hạn chế.

**Câu 5: Tác dụng lớn nhất của việc sử dụng đồng tiền chung châu Âu là:**

A. Tăng sức cạnh tranh của thị trường nội địa châu Âu.

B. Tạo ra được một đồng tiền có mệnh giá lớn cạnh tranh với đồng USD.

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho lưu chuyển vốn giữa các nước thành viên.

D. Tất cả các tác dụng trên.

**Câu 6: Một người Hà Lan có thể đến buôn bán tại thủ đô Pa ri như một người Pháp. Đó là nội dung của:**

A. Tự do lưu thông dịch vụ.

B. Tự do lưu thông hàng hoá.

C. Tự do di chuyển.

**D. Tự do lưu thông tiền vốn.**

**Câu 7: Đây là một cường quốc kinh tế của EU nhưng chưa tham gia liên minh tiền tệ châu Âu:**

A. Pháp.

B. Đức.

C. Italia.

D. Anh.

**Câu 8: Đây là hợp tác của EU trong lãnh vực giao thông**.

A. Xây dựng đường hầm qua biển Măng-sơ.

B. Hợp tác sản xuất máy bay E-bớt.

C. Thực hiện tự do lưu thông.

D. Tát cả các hợp tác trên.

Câu 9: Những nước tham gia Tổ hợp công nghiệp hàng không E-bớt là:

A. Pháp, CHLB Đức, Italia.

B. Anh, CHLB Đức, Italia.

C. Anh, Pháp, CHLB Đức.

D. Pháp, CHLB Đức, Italia và Hà Lan.